

QUỐC HIỆU VÀ KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT

trong Mộc bản triều Nguyễn

NHỮNG LẦN ĐẶT, ĐỔI QUỐC HIỆU VÀ KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT TRONG LỊCH SỬ TỪ KHỞI THỦY CHO ĐẾN TRIỀU NGUYỄN ĐỀU ĐƯỢC KHẮC IN LẠI TRÊN MỘC BẢN CÁC BỘ QUỐC SỬ DƯỚI THỜI PHONG KIẾN.

NĂM 2009, UNESCO ĐÃ CÔNG NHẬN MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN LÀ DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI. ĐÂY CHÍNH LÀ SỰ VINH DANH CỦA QUỐC TẾ ĐỐI VỚI NHỮNG GIÁ TRỊ NỔI BẬT MÀ KHỐI TÀI LIỆU MỘC BẢN ĐANG LƯU GIỮ

TẠP CHÍ XUA&NAY XIN GIỚI THIỆU CÁC TRIỀU VUA QUANG TRUNG, GIA LONG, MINH MẠNG ĐƯỢC KHẮC GHI TRÊN MỘC BẢN HIỆN ĐANG LƯU GIỮ TẠI TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA IV.



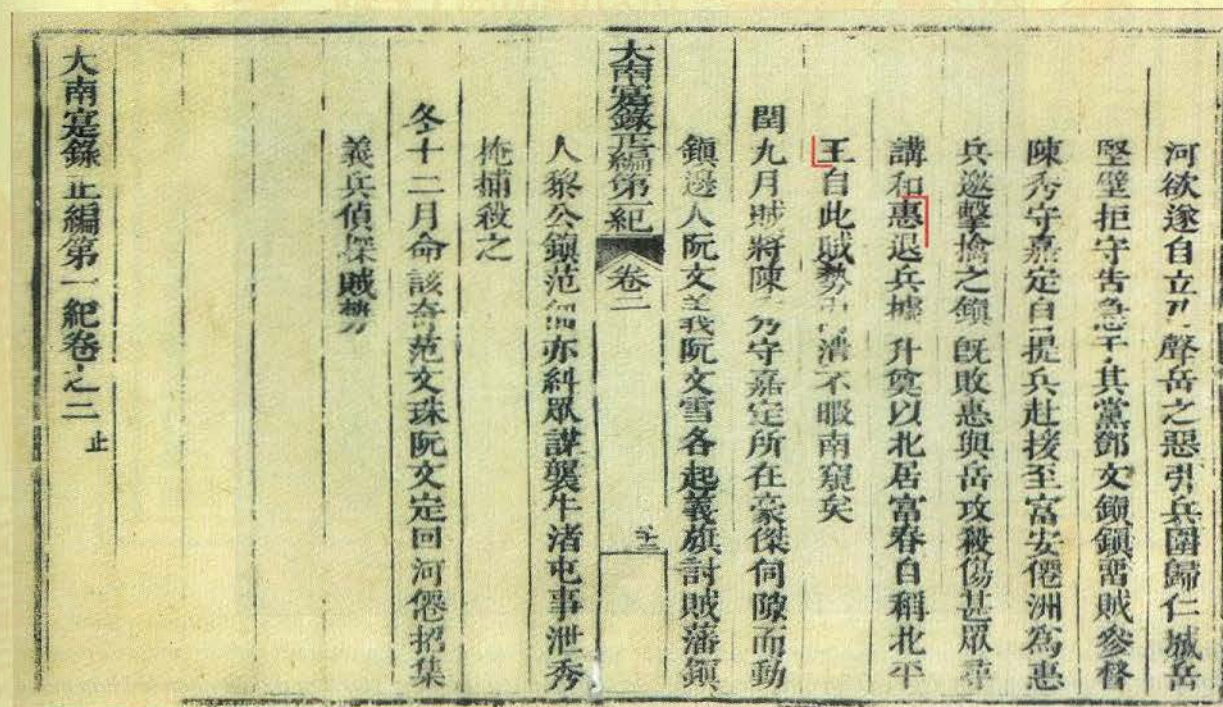
Bộ Đại Việt sử ký toàn thư là một công trình sử học đồ sộ, được biên chép một cách có hệ thống về lịch sử dân tộc từ thuở hồng hoang khi Thủy tổ Kinh Dương Vương đặt dấu chân mở cõi nước Việt cho đến đời Lê Gia Tông Mỹ hoàng đế năm 1675



Bộ Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ ghi chép về các sự kiện diễn ra trong thời kỳ trị vì của vua Minh Mạng (1820-1840) theo lời biên niên



Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ cho đóng đô ở Phú Xuân năm Bình Ngô (1786)
(Mộc bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 2, mặt khắc 22)

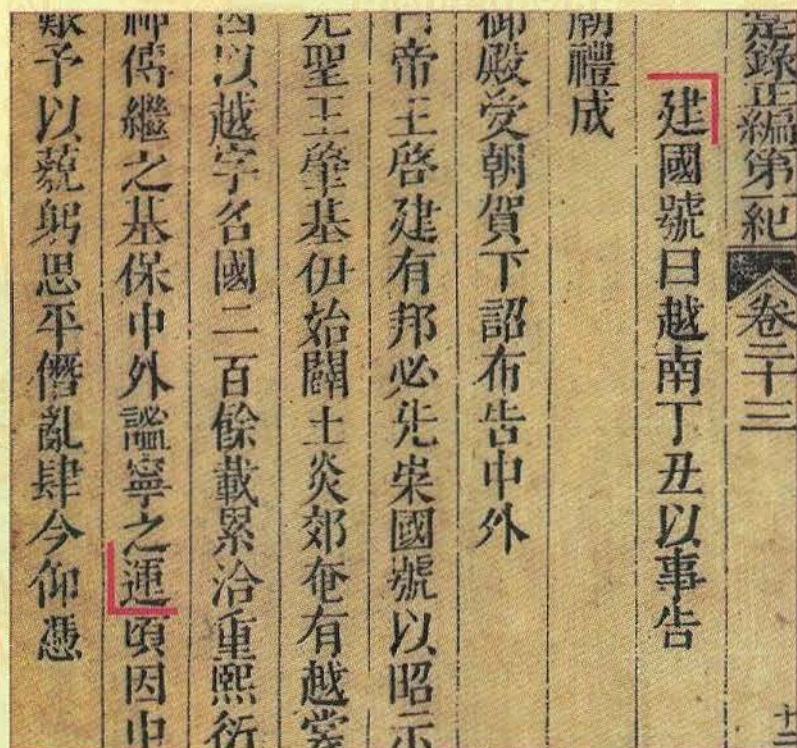


Lược dịch:

... Huệ lui quân giữ từ Thăng Hoa, Điện Bàn trở về Bắc, đóng ở Phú Xuân, tự xưng là Bắc Bình Vương.

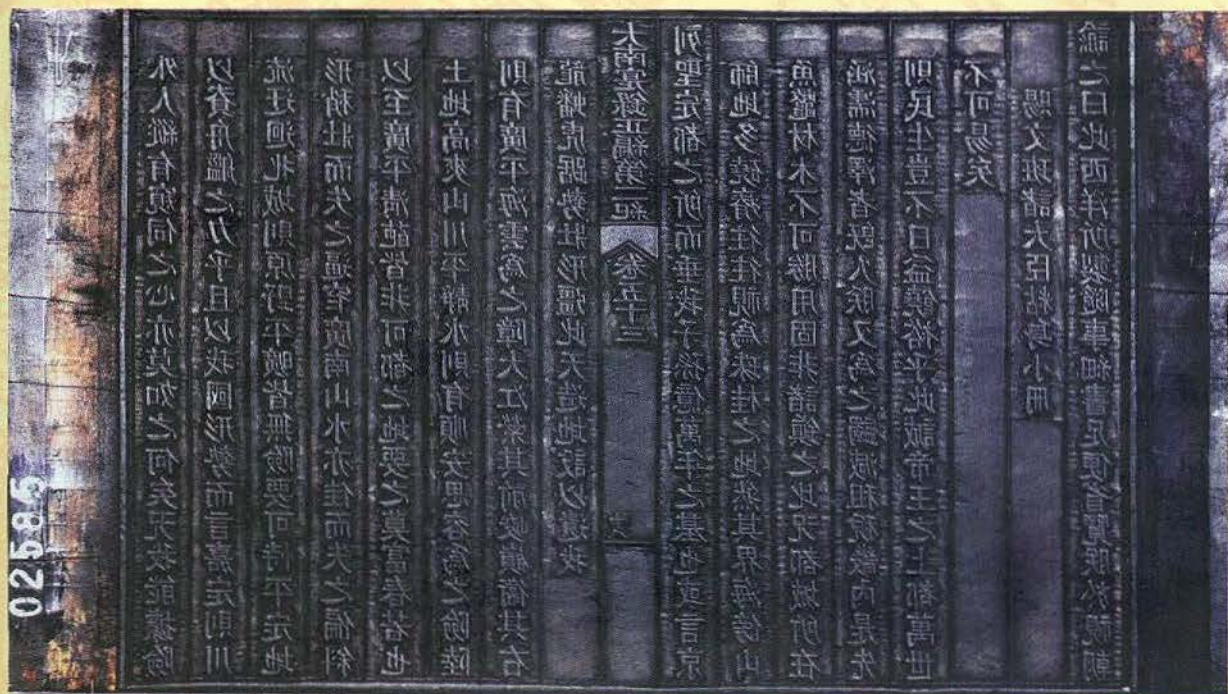


Vua Gia Long cho đổi quốc hiệu Việt Nam vào năm Giáp Tý (1804)
(Mộc bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 23, mặt khắc 12)



Lược dịch:

Đặt quốc hiệu là Việt Nam. Ngày Đinh Sửu, đem việc cáo ở Thái miếu. Lễ xong vua ngự ở điện nhận lễ châu mừng. Xuống chiếu bố cáo trong ngoài. Chiếu rằng: “Để vương định nước, trước phải trọng quốc hiệu để tỏ rõ nhất thống. Xét từ các đấng tiên thánh vương ta xây nền dấy nghiệp, mở đất viêm bang, gồm cả đất đai từ Việt Thường về Nam, nhân đó lấy chữ Việt mà đặt tên nước. Hơn 200 năm, nối hòa thêm sáng, vững được nền thần thánh đời truyền, giữ được vận trong ngoài yên lặng...”



Lời bàn của vua Minh Mệnh về địa thế đóng đô của triều Nguyễn tại Phú Xuân
(Mộc bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 53, mặt khắc 18)



Lược dịch:

Không đâu bằng Phú Xuân, đất cát cao sáng, núi sông yên lặng, đường thủy thì có Thuận An, Tư Dung là nơi hiểm yếu, đường bộ thì có Quảng Bình, Hải Vân, ngăn che sông lớn quanh quất ở đằng trước, đèo cao giữ ở bên hữu, rừng lượn hồ ngổi, thế khỏe hình mạnh. Đó là trời đất đặt ra để làm chỗ cho Liệt thánh ta đóng đô mà để lại cho con cháu đến muôn năm mãi

mãi. Hoặc có kẻ nói Kinh sư đất nhiều đá sỏi người ta thường xem là nơi cùi quế gạo châu. Nhưng giáp biển dựa núi, các thứ cá các thứ gỗ, dùng không thể hết, vốn các trấn không so sánh được, hưởng chi đô thành ở đây, thấm nhuần đức trạch đã lâu. Trẫm lại tha thuế giảm thuế cho kinh kỳ trước nhất, đời sống của dân há chẳng thừa thãi hay sao? Đó thực là nơi kinh đô tốt nhất của Đế vương, muôn đời không thể đổi được vậy.



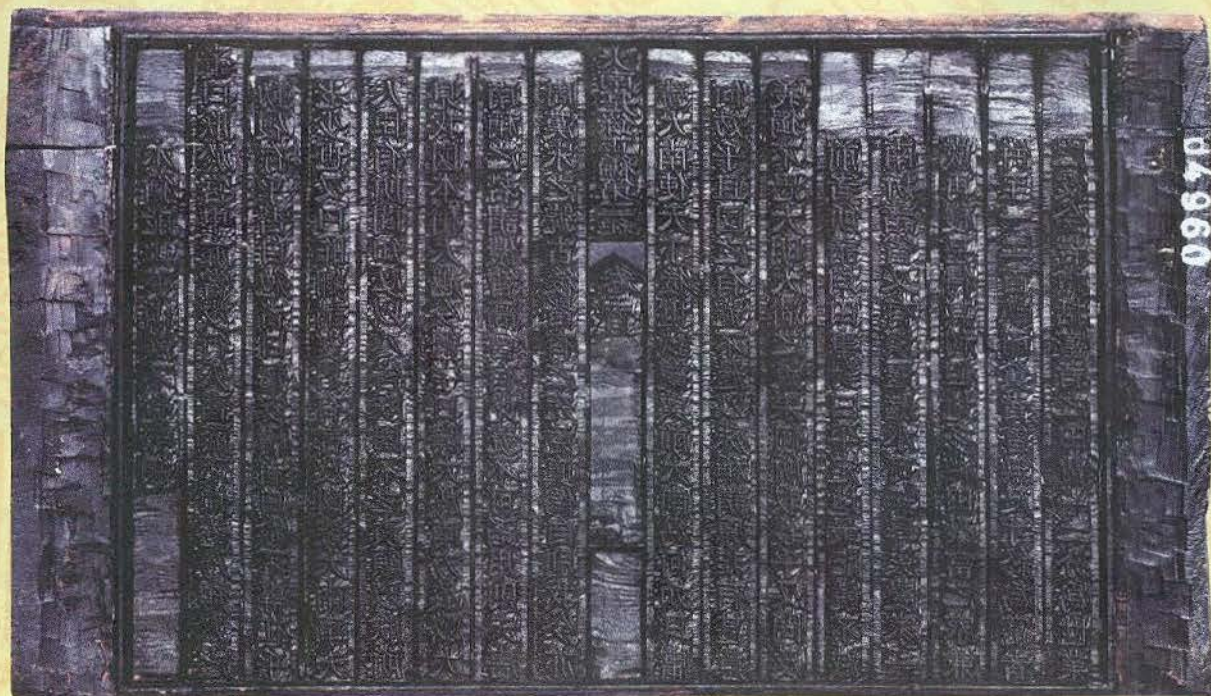
Vua Minh Mệnh cho đặt quốc hiệu Đại Nam vào năm Mậu Tuất (1838)
(Mộc bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 190, mặt khắc 1)



Lược dịch:

Mậu Tuất, Minh Mệnh năm thứ 19 (1838). Mùa xuân, tháng 3, ngày Giáp Tuất, mới định quốc hiệu là Đại Nam. Dụ rằng: “Nước ta từ Thái tổ Gia Du Hoàng đế, gây nền ở cõi Nam, đến các vua, ngày thêm mở rộng, có cả đất của nước Việt Thường cho nên trong nước trước kia gọi là Đại Việt, lịch chép cũng lấy 2 chữ ấy chép ở đầu, vốn không dùng chữ Đại Việt là danh xưng khác của nước An Nam.

Đến Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng đế ta có cả nước An Nam, đặt quốc hiệu là Đại Việt, còn lịch chép của nước Nam chỉ đơn giản chép hai chữ Đại Việt, về lẽ phải vốn là không hại gì, xưa nay vẫn làm, đã trải qua bao năm, thế mà có bọn quê mùa không biết, thấy lịch các triều nhà Trần, nhà Lê nước An Nam cũng có chữ Đại Việt, theo người nhận nhầm, sinh nghi ngờ bậy, liên quan đến quốc thể không phải là nhỏ...”



Ý nghĩa tên gọi quốc hiệu Đại Nam dưới triều vua Minh Mệnh

(Mộc bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 200, mặt khắc 8)

木猶能上下山溪不覺勞頓
帝曰朕於宮中亦嘗步行久習而不知倦乃知人之
動履存乎習自勉者曰彊安情者曰偷不專在乎
老少也又曰昨卿請安撫有言及國號大南事夫
人臣有所聞知必以八告朕固不之責顧以朕所
見我國本稱大越今疆宇日闢大於南方故以大
南稱之若謂儂智高曾有此號不可蹈用則夫唐
周漢宋之號古後皆有之究竟真偽自別我今亦
大南是錄正編第貳卷百

號大南使天下後世試觀與前大南為何如耳庸
何妨乎且國之有號不過以殊稱謂原非有甚意
義獨不思大明大壽之號果可所取義乎又問及

Lược dịch:

Vua lại nói: Hôm trước trong tập thỉnh an của khanh có nói lên việc quốc hiệu là Đại Nam, kể thì bây tôi có nghe biết gì tât phải vào tâu, trăm cổ nhiên không trách, nhưng theo sự hiểu biết của trăm, nước ta vốn gọi là nước Đại Việt, nay bờ cõi ngày một mở rộng ở phía Nam, cho nên gọi là nước Đại Nam. Nếu bảo Nùng Trí Cao từng đã có tên hiệu ấy, không nên

dùng theo, thì کیا như tên hiệu Đường, Chu, Hán, Tống, đời xưa, đời sau đều có cả, rút cục thực hay giả tự phân biệt, ta nay cũng gọi là nước Đại Nam để cho thiên hạ đời sau thử xem so sánh với Đại Nam trước là thế nào mà thôi, có hại gì đâu? Và lại, nước có tên hiệu chẳng qua để gọi cho khác, nguyên không có ý nghĩa gì, há chẳng nhớ tên hiệu Đại Minh, Đại Thành quá có nghĩa gì ư?